

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2019.

Về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.

2. Ông Trần Đức Trình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Kiệt 71 đường N, phường Thủy P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Duy B, sinh năm 1982; địa chỉ: Kiệt 71 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2019 và lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

Chị N và bị đơn là anh Phan Duy B tìm hiểu, yêu thương nhau 01 năm thì tổ chức lễ cưới. Đến ngày 23 tháng 5 năm 2009 chị N và anh B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B đánh đập chị N, anh B không chịu khó làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ tháng 9 năm 2018 đến nay chị N và

anh B sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Duy B có 03 người con chung là Phan Duy N, sinh ngày 23/12/2009; Phan Quỳnh A, sinh ngày 06/10/2012; Phan Duy Khánh P, sinh ngày 20/4/2015. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Phan Quỳnh A và Phan Duy Khánh P đến tuổi trưởng thành, giao cháu Phan Duy N, cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu P và cháu A đang ở với chị N, cháu N đang ở anh B.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 16.000.000đ và nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 40.000.000đ, chị N tự nguyện trả toàn bộ số nợ này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Phan Duy B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, thời điểm sống ly thân, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản như chị Trần Thị N trình bày. Anh B cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm, do đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hòa hợp nên anh B đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 08/2018 (Âm lịch) cho đến nay. Nay anh B đồng ý yêu cầu ly hôn với chị N. Anh B đồng ý giao 02 cháu Phan Quỳnh A và Phan Duy Khánh P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Duy N đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Phan Duy B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ là chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các Điều 70, 72 Bộ tố tụng luật dân sự.

+ Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Duy B; Giao 02 cháu Phan Quỳnh Anh và Phan Duy Khánh Phương cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Phan Duy Nhật, cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; về án phí buộc chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Phan Duy B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Phan Duy B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phan Duy B đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nên hai người đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đề cho chị N và anh B đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Chị N vẫn cương quyết xin ly hôn với anh B, tại phiên hòa giải ngày 09/8/2019 anh B cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh B có 03 người con chung tên Phan Duy N, sinh ngày 23/12/2009; Phan Quỳnh A, sinh ngày 06/10/2012 và Phan Duy Khánh P, sinh ngày 20/4/2015. Tại phiên hòa giải ngày 09/8/2019 chị N và anh B đều thống nhất giao cháu Phan Quỳnh A và cháu Phan Duy Khánh P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phan Duy N cho anh Phan Duy B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy, hiện nay cháu Phương và cháu Anh đang ở với chị N, cháu Nhật đang ở anh B. Ý kiến của chị N và anh B về việc nuôi con nhằm đảm bảo sự ổn định và sự phát triển toàn diện của các cháu, phù hợp với ý kiến của con nên cần ghi nhận và giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Quỳnh A, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Phan Duy Khánh P, sinh ngày 20/4/2015, giao cháu Phan Duy N, sinh ngày 23/12/2009 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản: Chị Trần Thị N và anh Phan Duy B có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 16.000.000đ và nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 40.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án các Ngân hàng cũng đã đồng ý để chị N tiếp tục trả khoản nợ này, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Duy B

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phan Duy N, sinh ngày 23/12/2009 cho anh Phan Duy B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Giao 02 cháu Phan Quỳnh A, sinh ngày 06/10/2012 và Phan Duy Khánh P, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- Về chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005310 ngày 02/5/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Trần Thị N đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- UBND phường Phú Bài, TX Hương Thủy
- Các đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Xuân Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa